

Bản án số: 45/2022/DS-PT

Ngày: 28/11/2022

"*V/v tranh chấp thừa kế tài sản*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- T4 phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Bằng;

Các thẩm phán: Bà Vũ Thị Yên và ông Nguyễn Văn Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Công – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 32/2022/TLPT-DS ngày 05/10/2022 về việc "*Tranh chấp thừa kế tài sản*". Do bản án Dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 04/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Kim T4 bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 32/2022/QĐXX-PT ngày 08/11/2022 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Hứa Văn T1, sinh năm 1962; Địa chỉ: Thôn L, xã K, huyện T, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị N1, sinh năm 1967; Địa chỉ: Thôn L, xã K, huyện T, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, Nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Hứa Thị N2, sinh năm 1949; Địa chỉ: Số nhà X phố H, thị trấn P, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Bà N2 ủy quyền cho ông T1. Có mặt.

3.2. Bà Hứa Thị H1, sinh năm 1966; Địa chỉ: Thôn C, xã K, huyện T, tỉnh Hải Dương.

3.3. Bà Hứa Thị H2, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện T, tỉnh Hải Dương.

3.4. Chị Nguyễn Thị N3, sinh năm 1989 và anh Hứa Trung T2, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn L, xã K, huyện T, tỉnh Hải Dương.

3.5. Ông Hứa Văn T3, sinh năm 1958 (chết tháng 5/2020); Địa chỉ: Thôn L, xã K, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Hứa Văn T3:

- Bà Trần Thị N1 – sinh năm 1967 (vợ ông T3)

- Anh Hứa Trung T2 – sinh năm 1987 (con ông T3)

- Anh Hứa Trung T4 – sinh năm 1993 (con ông T3)

Đều có địa chỉ: Thôn L, xã K, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Anh T2, chị N3, anh T4, bà H2, bà H1 ủy quyền cho bà Trần Thị N1. Có mặt.

4. Người kháng cáo: Bà Trần Thị N1, anh Hứa Trung T2, chị Nguyễn Thị N3, anh Hứa Trung T4, bà Hứa Thị H1 H2, bà Hứa Thị H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án Dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 04/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

Cụ Hứa Văn Q và cụ Cao Thị Đ có 5 người con gồm: ông Hứa Văn T1, ông Hứa Văn T3 (chết tháng 5/2020), bà Hứa Thị N2, bà Hứa Thị H1, bà Hứa Thị H2. Ngoài ra, các cụ không còn người con nào khác. Ông T3 có vợ là bà Trần Thị N1 và có 2 người con là anh Hứa Trung T2 và anh Hứa Trung T4. Cụ Q và cụ Đ có khối tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 434 m² đất tại Thôn L, xã K, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- Theo ông T1: Cụ Q chết năm 2008, chị Đ chết năm 2001 đều không để lại di chúc. Khi còn sống cụ Q có nói miệng cho cháu nội là anh Hứa Trung T2 một phần đất trên phần đất của các cụ, với điều kiện ông T3 đổi ruộng cho cụ Q cấy nhưng do ông Tiến không thực hiện nên cụ Q không cho ai nữa. Khi các cụ mất thì anh T2 có xây nhà và ở trên phần đất của các cụ cho đến nay. Khi anh T2 xây nhà, ông có ý kiến phản đối nhưng anh Triển cố tình xây. Ông chỉ sang nói miệng chứ không có căn cứ gì để chứng minh. Nay ông đề nghị chia di sản của bố mẹ ông để lại là 434 m² đất tại Thôn L, xã K, huyện T, tỉnh Hải Dương theo quy định của pháp luật, ông xin hưởng bằng hiện vật. Đối với quan điểm của bà N2 để lại phần đất được hưởng cho ông thì ông cũng nhất trí, ông xin nhận phần của bà N2.

- Theo bà N1: Bà và ông T3 kết hôn năm 1986, sau khi kết hôn ông bà chung sống cùng với bố mẹ chồng trên thửa đất hiện nay đang có tranh chấp. Năm 1993, vợ chồng bà xây dựng ngôi nhà lợp ngói và sống ở ngôi nhà này cho đến năm 1998 thì được các cụ tách cho ông bà một phần đất ở bên cạnh phần đất của các cụ. Tháng 5/2020, ông T3 chết không để lại di chúc. Nhà mà vợ chồng anh T2 đang ở là do bà xây dựng tặng cho từ năm 2012. Trước khi xây căn nhà này thì bà có phá ngôi nhà lợp ngói mà bà đã xây năm 1993. Bà xây nhà cho vợ chồng anh T2 đúng trên phần nhà mà bà đã phá trước đó. Khi xây dựng không có ai phản đối gì. Khi còn sống cụ Hứa Văn Q có nói miệng là khi cụ còn sống thì là đất của cụ, còn khi cụ chết thì sẽ cho anh T2 toàn bộ phần đất của cụ là 434m². Vì vậy, sau khi cụ Q mất được khoảng 1 tháng thì có đợt kê khai đất ở xã nên bà đã kê khai mảnh đất 434 m² đứng tên chồng bà và anh T2. Bà cũng không quản lý, sử dụng phần đất của các cụ từ nhiều năm nay mà chỉ do vợ chồng con trai là anh T2 và chị N3 quản lý sử dụng. Đối với phần nhà và các công trình xây dựng hiện tại là tài sản của vợ chồng anh Triển. Nay ông T1 có đơn đề nghị chia diện tích 434m² của cụ Q và cụ Đ theo pháp luật. Quan điểm của bà muốn anh em trong gia đình hoà giải tự thống nhất với nhau. Nếu ông T1 và các hàng thừa kế cùng thống nhất để lại phần diện tích còn lại (trừ phần đất mà bà đã làm nhà cho con trai) để làm nhà thờ chung thì bà cũng nhất trí. Nếu như không thống nhất được thì bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với phần thừa kế mà bà được hưởng từ chồng bà thì bà xin nhận bằng vật và tặng cho con trai bà là T2.

Trong khoảng thời gian vợ chồng bà chung sống cùng với các cụ, vợ chồng bà có san lấp rãnh đằng sau đất khoảng 100m². Cùng năm đó vợ chồng bà có mua thêm đất đồ đằng trước vườn. Khi bà lấy ông T3 về thì ông T1, bà H1, bà H2 vẫn ở cùng ông bà. Sau 2 năm thì ông T1 lấy vợ ra ở riêng, ông T1, bà H1 không có công sức đóng góp gì đối với mảnh đất trên. Còn bà H2 vì lúc đó ở cùng các cụ thì có thỉnh thoảng tham gia chở đất cùng vào phần rãnh sau nhà. Việc san lấp đất lúc đó lấy đất ở đường năm bên ngoài nên không mất tiền mua đất chỉ mất công chở đất về vườn. Bà đề nghị Toà án xem xét công sức đóng góp tu tạo của bà đối với phần đất của cụ Q, cụ Đ. Hiện tại trên đất chỉ có nhà của vợ chồng anh T2, ngôi nhà của các cụ đã hỏng không sử dụng được, một số cây ăn quả do bà trồng. Đối với các tài sản trên đất nếu ai được phân chia đất có phần tài sản của bà thì phải trả giá trị tài sản cho bà.

- Bà Hứa Thị N2 trình bày: Bà ở với các cụ từ bé đến năm 1973 bà lấy chồng tại thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành. Khi còn sống bố bà có nói miệng cho cháu nội là Hứa Trung T2 một phần đất trên phần đất của các cụ, còn cụ thể diện tích đất cho bao nhiêu thì bà không biết. Khi bố mẹ bà mất thì cháu T2 có xây nhà trên phần đất của các cụ và hiện tại vợ chồng anh Triển đang ở trên phần đất đó, việc xây nhà của anh T2 thì anh chị em bà đều biết nhưng vì lúc đó anh em đều hoà thuận nên không ai có ý kiến gì. Nay ông T1 có đề nghị chia di sản của bố mẹ bà để lại là 434m² đất tại Thôn L, xã K, huyện T, tỉnh Hải Dương, quan điểm của bà là kỉ phần bà được hưởng sẽ để lại cho ông T1. Bà không có công sức tu tạo, đóng góp gì đối với phần đất của các cụ. Hiện trên phần đất của các cụ chỉ có nhà của anh T2, ngoài ra không có công trình gì khác.

- Bà Hứa Thị H1, bà Hứa Thị H2 đều trình bày: Khi còn sống cụ Q có nói miệng cho cháu nội là Hứa Trung T2 toàn bộ phần đất trên nhưng vì cụ mất đột tử nên không để lại di chúc. Khi bố mẹ bà mất thì anh Triển có xây nhà trên phần đất của các cụ và hiện tại vợ chồng anh Triển đang vẫn ở trên phần đất đó, việc xây nhà của anh Triển thì bà không có ý kiến phản đối gì. Bà H2, bà H1 không có công sức tu tạo gì đối với mảnh đất trên. Nay ông T1 đề nghị chia di sản của bố mẹ bà để lại là 434m² đất tại Thôn L, xã K, huyện T, tỉnh Hải Dương, quan điểm của hai bà muốn anh em trong gia đình tự thống nhất với nhau cụ thể là phần đất mà anh T2 đã làm nhà thì để lại cho anh T2, phần đất còn lại thì để làm nhà thờ chung và đứng tên anh chị em trong gia đình được hưởng thừa kế. Hai bà không nhất trí chia di sản nên không thể hiện quan điểm của mình về phần di sản bà được nhận.

- Chị Nguyễn Thị N3, anh Hứa Trung T2 trình bày: Năm 2010, anh chị kết hôn và chung sống với nhau tại nhà bà N1. Đến năm 2012, mẹ anh T2 có xây cho vợ chồng chị 01 ngôi nhà trên diện tích đang có tranh chấp. Khi xây nhà thì ông Thắng, bà N2, bà H1, bà H2 đều biết và không có phản đối gì. Phần đất trống còn lại hiện tại không có ai quản lý, sử dụng. Vợ chồng chị đã quản lý sử dụng nhà, đất từ đó cho tới khi ông T1 khởi kiện thì mới có sự tranh chấp phân chia. Anh chị có nghe các cô (bà H2, bà H1) nói lại khi còn sống thì cụ Q có bảo cho anh Triển toàn bộ phần đất trên khi cụ chết, còn cụ thể có di chúc hay không thì anh chị không được biết. Ngoài ra trên đất còn cả 2 gian nhà ngói của các cụ để lại bị hư hỏng nhiều nên không có ai sử dụng. Anh chị xác định nhà và các công trình mà vợ chồng anh chị đang ở là của vợ chồng anh chị. Nay ông T1 khởi kiện chia diện tích đất 434m² đất

của các cụ, anh chị đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật nhưng phải đảm bảo các tài sản của vợ chồng chị trên đất. Phần đất mà bà N1, anh Thành được hưởng và tặng cho anh T2 thì anh T2 xin nhận. Trường hợp phải chia đất vào phần nhà của anh chị thì anh chị sẽ trả chênh lệch giá trị đất cho người được hưởng phần đất. Về công sức tu tạo đất thì vợ chồng chị không nắm được ai có công sức. Anh T2 cũng xin được nhận bằng hiện vật là phần được hưởng thừa kế từ bố anh là ông T3.

- Anh Hứa Trung T4 trình bày: đối với phần di sản thừa kế từ ông T3 thì anh xin nhận bằng hiện vật là đất và sẽ tặng cho anh T2, không yêu cầu anh T2 phải trả lại phần giá trị nào. Phần đất hiện anh T2 đã xây nhà đề nghị Toà án giao phần đất đó cho anh T2, giữ nguyên hiện trạng; phần đất còn lại đề nghị Toà án không phân chia đất ra mà làm phần đất chung để xây nhà thờ.

- Kết quả thẩm định, định giá xác định: thửa đất số 288, tờ bản đồ số 01, diện tích 444,1m² tại Thôn L, xã K, huyện T, tỉnh Hải Dương các đương sự đều thống nhất và đề nghị Hội đồng định giá định giá chung giá trị đất là 2.000.000 đồng/m² = 888.200.000 đồng, 01 nhà tầng xây năm 2012, tường bao trước nhà, sân bê tông, 2 cánh cổng inox, trụ cổng tổng trị giá 700.000.000 đồng. Cây trồng trên đất: Cây nhãn đường kính 1,5-2m = 250.000đ/cây, Cây vú sữa đường kính gốc 12-15cm = 450.000đ/cây = 900.000đ, cây Vú sữa đường kính gốc 15-20cm = 550.000đ/cây, Cây me đường kính gốc 15-20cm = 400.000đ, Cây xoài đường kính gốc 12-15 cm = 320.000đ/cây, Cây lộc vừng đường kính gốc 3-4m = 150.000đ/cây, Cây vú sữa nhỏ 5 x 7cm = 150.000đ/cây, 01 cây sung 10-15cm = 50.000đ/cây, 01 cây đu đủ đường kính gốc 9 x 12 = 50.000đ/cây. Tổng giá trị cây trồng là 2.820.000đ.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 04/7/2022, Tòa án nhân dân huyện Kim T4 đã quyết định: Căn cứ: Khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 157, 158, 165, 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660; Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hứa Văn T1.

2. Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Hứa Văn Q là ngày 26/10/2008, thời điểm mở thừa kế của cụ Cao Thị Đ là ngày 09/9/2001.

3. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Q, cụ Đát, gồm: Ông Hứa Văn T1, bà Hứa Thị N2, bà Hứa Thị H1, bà Hứa Thị H2, ông Hứa Văn T3 (ông T3 chết năm 2020 nên người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T3 là bà N1, anh T2, anh T4).

4. Xác định di sản thừa kế của cụ Q, cụ Đ là diện tích đất 444.1 m² tại thửa đất số 288, tờ bản đồ số 01 (nay là thửa số 170, 171 tờ bản đồ số 13) tại Thôn L, xã K, huyện T, tỉnh Hải Dương trị giá 888.200.000đ.

5. Xác định 01 nhà 1 tầng xây năm 2012, tường bao giáp ngõ đi, sân bê tông, 2 cánh cửa inox, trụ cổng, giếng đào, tường bao giáp nhà ông Thương tổng trị giá 700.000.000đ là của vợ chồng anh T2, chị N3. Tổng giá trị các cây trồng trên đất là 2.820.000đ của bà Nghĩ.

6. Chấp nhận sự tự nguyện tặng cho kỉ phần thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất giữa bà N2 với ông T1, giữa bà N1, anh T2 với anh T4.

7. Chấp nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc cho bà Trần Thị N1 diện tích đất do xây công trình phụ lấn chiếm đất thừa kế là 1,3 m² trong tổng diện tích đất chia thừa kế là 444,1m².

8. Giao ông T1 được quản lý, sử dụng diện tích đất là 221,4m² = 442.800.000 đồng (trong đó có 79,4 m² đất ở, 117 m² đất trồng cây lâu năm, 25m² đất vườn thừa hợp pháp), đất nằm trong hành lang giao thông là 9,5 m² tại thửa đất số 288, tờ bản đồ số 01 (nay là thửa số 170, 171 tờ bản đồ số 13) tại Thôn L, xã K, huyện T, tỉnh Hải Dương. Đối với đất nằm trong hành lang giao thông hạn chế ông Thắng xây dựng công trình kiên cố trên đất.

9. Giao cho anh T2 được quản lý, sử dụng diện tích đất là 221,4 m² = 442.800.000 đồng (trong đó có 79,4 m² đất ở, 117 m² đất trồng cây lâu năm, 25m² đất vườn thừa hợp pháp), đất nằm trong hành lang giao thông là 9,5 m² tại thửa đất số 288, tờ bản đồ số 01 (nay là thửa số 170, 171 tờ bản đồ số 13) tại Thôn L, xã K, huyện T, tỉnh Hải Dương. Đối với đất nằm trong hành lang giao thông hạn chế anh Triển xây dựng công trình kiên cố trên đất.

10. Ông T1 có trách nhiệm trả cho bà Hứa Thị H1 và bà Hứa Thị H2 mỗi người số tiền là 44.280.000 (*Bốn mươi bốn triệu hai trăm tám mươi nghìn*) đồng. Anh T2 có trách nhiệm trả cho bà H1, bà H2 mỗi người số tiền là 132.840.000 (*Một trăm ba mươi hai triệu tám trăm bốn mươi nghìn*) đồng.

11. Giao cho anh T2, chị N3 được quản lý, sử dụng 01 nhà 1 tầng xây năm 2012, tường bao giáp ngõ đi, sân bê tông, 2 cánh cửa inox, trụ cổng, giếng đào, tường bao giáp nhà ông Thường tổng trị giá 700.000.000 đồng trên phần đất được giao.

12. Ông T1, bà H1, bà H2, bà N2 mỗi người có N1 vụ trả số tiền 7.500.000 đồng cho bà Trần Thị N1, anh Hứa Trung T2, chị Nguyễn Thị N3 tiền công sức trong việc giữ gìn, quản lý tài sản là di sản thừa kế, tổng số tiền là 30.000.000 đồng (trong đó bà N1, chị N3, anh T2 mỗi người được hưởng 10.000.000 đồng).

13. Ông T1 phải có trách nhiệm trả chênh lệch về giá trị cây trồng trên đất được giao cho bà N1 là 1.470.000 đồng.

14. Chấp nhận sự tự nguyện của bà N1 về việc không yêu cầu anh T2, chị N3 phải trả giá trị chênh lệch tài sản là giá trị cây trồng trên đất cho bà.

- Ngày 27/7/2022, bà Trần Thị N1, anh Hứa Trung T2, chị Nguyễn Thị N3, anh Hứa Trung T4 kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại công sức trong việc tôn tạo trông nom đối với thửa đất đang có tranh chấp. Bà Hứa Thị H1, bà Hứa Thị H2 kháng cáo xin được nhận kỉ phần thừa kế bằng hiện vật.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đề nghị HĐXX xem xét giải quyết vụ án theo quy định pháp luật, có lý, có tình. Bà N1 trình bày trường hợp phần đất mà ông T1 được giao có cây cối của bà thì bà không yêu cầu ông T1 phải thanh toán giá trị cây cối trên đất. Ông T1 đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà N1, anh T2, chị Ninh, bà H1, bà H2, sửa bản án sơ thẩm theo hướng tính tăng công sức cho bà N1, anh T2, chị N3; do bà H1, bà H2 xin hưởng kỉ phần thừa kế bằng hiện vật và tặng cho kỉ phần thừa kế cho anh T2 nên giao kỉ phần thừa kế của bà H1, bà H2 bằng hiện vật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Trần Thị N1 và những người có quyền lợi và Nghĩa vụ liên quan gồm anh Hứa Trung T2, chị Nguyễn Thị N3, bà Hứa Thị H1, bà Hứa Thị H2, anh Hứa Trung T4 có đơn kháng cáo. Những người kháng cáo đều có quyền kháng cáo, làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xem lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Diện tích 434 m² đất (trong đó có 150m² đất ở, 234 m² đất trồng cây lâu năm, 50 m² đất vườn thừa hợp pháp), đất nằm trong hành lang giao thông là 19m² tại thửa đất số 288, tờ bản đồ số 01 tại xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương đã được UBND huyện Kim Thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U136787 cấp ngày 29/6/2004 mang tên cụ Hứa Văn Q. Theo bản đồ và sổ mục kê năm 2008, thửa đất trên được tách thành thửa 171 diện tích 219m² mang tên anh Triển và thửa 170 diện tích 225m² mang tên ông Tiến, tổng là 444,1 m², diện tích đất tăng lên là do sai số đo đạc và xác định là đất ở. Các thửa đất trên mang tên ông Tiến và anh Triển là gia đình tự kê khai chứ chưa làm thủ tục sang tên và chưa chuyển nhượng cho ai. Do đó, xác định diện tích đất 444,1 m² tại thửa đất số 288, tờ bản đồ số 01 (nay là thửa 170, 171, tờ bản đồ số 13) tại xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương là di sản của cụ Q và cụ Đát để lại. Đối với 01 căn nhà cấp 4 do các cụ xây dựng không còn giá trị sử dụng, các đương sự đều không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Quá trình xem xét hiện trạng xác định trên thửa đất có 1,3 m² đất bị nhà bà N1 ở giáp phần đất đang tranh chấp xây công trình phụ lấn chiếm sang. Các đương sự đều thống nhất cho bà Nghĩa phần đất lấn chiếm và không yêu cầu bà N1 thực hiện nghĩa vụ gì đối với phần đất này nên xác định di sản thừa kế của cụ Q, cụ Đát còn lại là 444,1 m² – 1,3m² = 442,8m², giá trị 1m² là 2.000.000 đồng.

[2.2] Xét kháng cáo của bà N1, anh T2, chị N3 về công sức trong việc tôn tạo, quản lý, duy trì đối với thửa đất: Ông T3, bà N1 ở trên thửa đất này từ năm 1986, có công sức trong việc tôn tạo khu đất. Từ năm 2012, anh T2, chị N3 tiếp tục quản lý sử dụng thửa đất này. Cấp sơ thẩm chỉ xác định công sức trong việc giữ gìn, quản lý di sản thừa kế tổng cho bà N1, anh T2, chị N3 là 30.000.000 đồng là chưa tương xứng so với công sức thực tế của bà N1, anh T2, chị N3. Do đó, Hội đồng xét xử sửa bản án về phần tính công sức của bà N1, anh T2, chị N3, áng trích công sức trong việc quản lý, duy trì tôn tạo khối di sản tương đương 73.8m² = 147.600.000 đồng.

[2.3] Di sản của cụ Q, cụ Đ sau khi trừ phần công sức cho bà N1, anh T2, chị N3 và phần đất bà N1 lấn chiếm còn lại để chia bằng 442.8 – 73.8 = 369m², trị giá 738.000.000 đồng. Chia đều cho những người trong hàng thừa kế thứ nhất của cụ Q, cụ Đ gồm ông T3, ông T1, bà N2, bà H2, bà H1, mỗi người được hưởng 1 kì phần thừa kế bằng 73.8m², trị giá 147.600.000 đồng. Ông T3 chết năm 2020 nên kì phần của ông T3 do hàng thừa kế thứ nhất của ông T3 gồm bà N1, anh T2, anh T4 được hưởng.

[2.4] Xét kháng cáo của bà H1, bà H2 xin hưởng di sản bằng hiện vật: Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, bà H1, bà H2 không nhất trí với yêu cầu chia di sản thừa kế của ông T1 nên không có quan điểm về phần di sản thừa kế nếu được nhận. Tại cấp phúc thẩm, bà H2, bà H1 xin nhận bằng hiện vật và tặng cho anh T2. Hội đồng xét xử thấy rằng thửa đất có tổng diện tích 441.8m² có thể giao bằng hiện vật cho bà H2, bà H1 nên chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bà H2, bà H1 và ghi nhận sự tự nguyện của bà H2, bà H1, giao kĩ phần thừa kế của bà H2, bà H1 cho vợ chồng anh T2, chị N3 quản lý sử dụng.

[2.5] Về việc phân chia di sản thừa kế bằng hiện vật: Ghi nhận sự tự nguyện của bà N1, anh T2, anh T4 giao kĩ phần thừa kế của ông T3 cho vợ chồng anh T2, chị N3 quản lý sử dụng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà N1 tặng cho anh T2, chị N3 phần công sức được hưởng. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự trong vụ án giao phần đất diện tích 1.3m² bà N1 đang lấn chiếm trong phần đất di sản của cụ Q, cụ Đ cho bà N1 quản lý sử dụng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà N1 không yêu cầu ông T1, anh T2, chị N3 phải trả giá trị cây cối trên đất cho bà N1.

Hội đồng xét xử sửa phần quyết định của bản án sơ thẩm về phần phân chia di sản bằng hiện vật như sau: Giao cho anh T2, chị N3 quản lý sử dụng diện tích 295.2m² đất gồm đất ở 106m², đất trồng cây lâu năm 156m², đất vườn thừa 33.2m², trong đó đất nằm trong hành lang giao thông 12.6m² trị giá 590.400.000 đồng và công trình, cây cối trên đất. Giao cho ông T1 quản lý sử dụng diện tích 147.6m² gồm đất ở 52.8m², đất trồng cây lâu năm 78m², đất vườn thừa 16.8m², trong đó đất nằm trong hành lang giao thông 6.4m² trị giá 295.200.000 đồng và công trình, cây cối trên đất (Có sơ đồ kèm theo).

[3] Về án phí: Bà N1, anh T2, chị N3, bà H1, bà H2 kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bà H2, bà H1, anh T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương đương kĩ phần được nhận. Bà N2 được miễn án phí. Do bà H2, bà H1 đã tặng cho kĩ phần được nhận cho anh T2 nên anh T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm thay bà H2, bà H1 là 22.140.000 đồng. Ông T1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xét và đã có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị N1, anh Hứa Trung T2, chị Nguyễn Thị N3, anh Hứa Trung T4, bà Hứa Thị H2, bà Hứa Thị H1, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 04/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Kim T4, tỉnh Hải Dương.

2. Căn cứ: Khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 148, 157, 158, 165, 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660; Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hứa Văn T1.

2.2. Xác định diện tích đất 444,1 m² tại thửa đất số 288, tờ bản đồ số 01 (nay là thửa 170, 171, tờ bản đồ số 13) tại xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương là di sản của cụ Q và cụ Đát.

- Xác định người được hưởng thừa kế của cụ Q, cụ Đ theo quy định pháp luật là ông Hứa Văn T1, ông Hứa Văn T3 (chết tháng 5/2020), bà Hứa Thị N2, bà Hứa Thị H1, bà Hứa Thị H2. Người kế thừa quyền và Nghĩa vụ của ông T3 gồm bà Trần Thị N1, anh Hứa Trung T2 và anh Hứa Trung T4.

- Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc giao cho bà Trần Thị N1 quản lý sử dụng 1.3m² đất bà N1 đang lấn chiếm, vị trí giáp thửa đất bà N1 đang quản lý sử dụng.

- Trích trả công sức tôn tạo, trông nom, quản lý, duy trì khối di sản cho bà N1, anh T2, chị N3 là 73.8m² đất = 147.600.000 đồng.

- Di sản của cụ Q, cụ Đ còn lại để chia theo quy định pháp luật là 369m² cho những người trong hàng thừa kế thứ nhất, mỗi ki phần bằng 73.8m², trị giá 147.600.000 đồng.

2.3. Về việc chia di sản bằng hiện vật:

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Hứa Thị N2 giao ki phần thừa kế được nhận cho ông Hứa Văn T1.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Hứa Thị H2, bà Hứa Thị H1 giao ki phần thừa kế được nhận cho anh Hứa Trung T2.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà N1, anh T2, anh T4 giao ki phần thừa kế của ông T3 cho vợ chồng anh T2, chị N3 quản lý sử dụng.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà N1 tặng cho anh T2, chị N3 phần công sức được hưởng.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà N1 không yêu cầu ông T1, anh T2, chị N3 phải trả giá trị cây cối trên đất cho bà N1.

- Ghi nhận sự tự nguyện của anh T2, chị N3 trong việc nhập phần công sức được hưởng, ki phần của ông T3, phần tài sản được bà N1, anh T4, ki phần của bà H2, bà H1 giao cho anh T2 T4 tài sản để sử dụng chung.

- Giao cho anh T2, chị N3 quản lý sử dụng diện tích 295.2m² đất gồm đất ở 106m², đất trồng cây lâu năm 156m², đất vườn thừa 33.2m², trong đó đất nằm trong hành lang giao thông 12.6m² trị giá 590.400.000 đồng và công trình, cây cối trên đất. Giao cho ông T1 quản lý sử dụng diện tích 147.6m² gồm đất ở 52.8m², đất trồng cây lâu năm 78m², đất vườn thừa 16.8m², trong đó đất nằm trong hành lang giao thông 6.4m² trị giá 295.200.000 đồng và công trình, cây cối trên đất.

Việc chia đất có sơ đồ kèm theo.

3. Về án phí: Bà N1, anh T2, chị N3, bà H1, bà H2 kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Ông T1, bà N2 được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu số AA/2018/0001654 ngày 04/12//2020 tại Chi cục thi hành án huyện Kim T4.

Bà H2, bà H1, anh T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương đương kỉ phần được nhận. Do bà H2, bà H1 đã tặng cho kỉ phần được nhận cho anh T2 nên anh T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 22.140.000 đồng.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện Kim Thành;
- Chi cục THA huyện Kim Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS; lưu toà.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

(Đã ký)

Nguyễn Hải Bằng